

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST
Ngày: 04 - 4 - 2022
V/v: Tranh chấp Hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Duy Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Xuân Sơn.

2. Ông Nguyễn Văn Học.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Mơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Khuất Thị Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2021/TLST-KDTM ngày 11 tháng 11 năm 2021 về Tranh chấp Hợp đồng mua bán, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 3 năm 2022 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn: Công ty cổ phần Th.** Địa chỉ: Xóm C, xã H, huyện S, tỉnh Hòa Bình. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Quang T – Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Quang H – Phó Giám đốc. Ông H ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Văn K – Nhân viên Công ty “Vắng mặt”.

2. **Bị đơn: Công ty cổ phần Q.** Địa chỉ: Thôn 8, xã T, huyện P, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T – Chủ tịch hội đồng quản trị “Vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày như sau: Ngày 01/4/2019 Công ty cổ phần Th (Trong Hợp đồng được gọi là bên B) và Công ty cổ phần Q (Trong Hợp đồng được gọi là bên A) có ký kết với nhau Hợp đồng mua bán số: 0104/2019/HDMB/HN về việc mua bán sắt thép các loại do các doanh nghiệp sản xuất. Thời hạn thanh toán: Thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ khi giao nhận hàng có biên bản,

lãi suất chậm thanh toán là 0.05%/ngày.

Sau khi ký hợp đồng bên A đã mua hàng của bên B cụ thể như sau:

Ngày 22 tháng 6 năm 2019 bên A mua 91.247.640 đồng, hóa đơn 0003166.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019 bên A mua 219.258.710 đồng, hóa đơn số 0003751.

Tổng giá trị tiền hàng là 310.506.350 đồng.

Sau khi bên A mua hai đơn hàng trên, Bên A không thanh toán theo thỏa thuận. Số tiền mua hàng còn nợ 310.506.350 đồng đến nay chưa trả.

Theo Hợp đồng đã thỏa thuận: Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B 100% giá trị tiền hàng trong vòng 30 ngày giao nhận hàng có biên bản hoặc theo thỏa thuận khác bằng văn bản. Quá hạn thanh toán bên A phải chịu lãi suất 0.05%/ngày trên số tiền quá hạn thanh toán trong suốt thời gian quá hạn.

Theo thỏa thuận trên, ngoài số tiền gốc nợ phải trả, bên A còn phải trả bên B tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán đối với số tiền thanh toán chậm.

Cụ thể, bên A còn phải trả bên B số tiền như sau:

- + Số tiền gốc còn nợ phải trả là: 310.506.350 đồng.
- + Số tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 30/4/2020 là 41.415.173 đồng.
- + Tổng số tiền gốc và lãi phải trả tính đến ngày 30/4/2020 là 351.921.523 đồng.

Từ khi bên A lấy hàng đến nay, chúng tôi đã đến đơn đốc nhắc nhở đòi nợ rất nhiều lần, gọi điện thoại gửi công văn, văn bản đề nghị thanh toán nhưng bên A không thanh toán và còn gây cản trở, khó khăn cho chúng tôi, gây thiệt hại nghiêm trọng cho chúng tôi.

Vì vậy chúng tôi làm đơn này, kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ xét xử buộc Công ty cổ phần Q phải trả cho chúng tôi số tiền 351.921.523 đồng để đơn vị chúng tôi tháo gỡ khó khăn, đỡ phần thua lỗ, đồng thời đảm bảo hoạch toán kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình giải quyết vụ việc, Tòa án đã triệu tập bị đơn nhưng bị đơn không có mặt tại Tòa án để tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Phía Công ty cổ phần Th giao nộp cho Tòa án Bảng tính nợ gốc và lãi chậm trả như sau: Tính đến ngày 04/4/2022 Công ty cổ phần Q còn nợ Công ty cổ phần Th tiền hàng (Tiền gốc) 310.506.350 đồng, tiền lãi 150.713.409 đồng, tổng cộng là 461.219.759 đồng.

- Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn vắng mặt và có Đơn đề nghị xin được vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Kiểm sát viên phát biểu như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa đã tiến hành theo đúng trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Đề nghị trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn, buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Công ty cổ phần Th cùng với Công ty cổ phần Q đã ký Hợp đồng mua bán với nhau. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng phía Công ty cổ phần Q vi phạm Hợp đồng; do đó Công ty cổ phần Th đã khởi kiện ra Tòa án. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng mua bán nên đã thụ lý vụ án là đúng trình tự theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều không nhận nên Tòa án đã niêm yết các Văn bản trên theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có Đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án là đúng trình tự theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu của Công ty cổ phần Th thì thấy: Ngày 01/4/2019 giữa Công ty cổ phần Th và Công ty cổ phần Q đã tự nguyện ký kết Hợp đồng mua bán với nhau về việc mua bán sắt thép các loại do các doanh nghiệp sản xuất. Thời hạn thanh toán: Thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ khi giao nhận hàng có biên bản, lãi suất chậm thanh toán là 0.05%/ngày.

Sau khi ký hợp đồng thì Công ty cổ phần Th đã bán cho Công ty cổ phần Q với tổng giá trị tiền hàng là 310.506.350 đồng. Theo Hợp đồng đã thỏa thuận: Bên Công ty cổ phần Q có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần Th 100% giá trị tiền hàng trong vòng 30 ngày, kể từ ngày giao nhận hàng có biên bản hoặc theo thỏa thuận khác bằng văn bản. Quá hạn thanh toán không thanh toán thì phải chịu lãi suất 0.05%/ngày trên số tiền quá hạn thanh toán trong suốt thời gian quá hạn.

Từ khi Công ty cổ phần Q lấy hàng đến nay, phía Công ty cổ phần Th đã đến đơn đốc nhắc nhở đòi nợ rất nhiều lần, gọi điện thoại gửi công văn, văn bản đề nghị thanh toán nhưng không thanh toán.

Tính đến ngày 04/4/2022 Công ty cổ phần Q còn nợ tổng số tiền gốc và lãi là 461.219.759 đồng. Trong đó tiền gốc còn nợ phải trả là 310.506.350 đồng, số tiền lãi phải trả là 150.713.409 đồng.

Như vậy Hợp đồng ký kết đúng theo quy định của pháp luật. Do Công ty cổ phần Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty cổ phần Th khởi kiện buộc Công ty cổ phần Q phải trả nợ cả gốc và lãi là có căn cứ nên chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định của pháp luật. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 275, 351, 352, 353, 357, 385, 430, 440, 468 của Bộ luật dân sự. Điều 306 Luật thương mại. Các Điều 30, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Th.

Buộc Công ty cổ phần Q phải trả cho Công ty cổ phần Th số tiền nợ, tính đến ngày 04/4/2022 là 310.506.350 đồng tiền nợ gốc, lãi 150.713.409 đồng; tổng cộng là 461.219.759 đồng (Bốn trăm sáu mươi một triệu hai trăm mười chín nghìn bảy trăm năm mươi chín đồng).

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Công ty cổ phần Q phải chịu 22.448.790 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại. Hoàn trả Công ty cổ phần Th 7.800.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0040109 ngày 11/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, Thành phố Hà Nội.

Công ty cổ phần Th và Công ty cổ phần Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện PT;
- L- u: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Duy Chinh

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TNHH MTV Dầu khí toàn cầu (GP Bank);

Buộc anh Trần Văn Long và chị Cán Thị Duyên phải trả cho GP Bank số tiền là:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất 10% tương ứng với thời gian chưa thi hành án

2/ Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Anh Trần Văn Long và chị Cán Thị Duyên phải chịu án phí sơ thẩm là: . Hoàn lại cho GPBank số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.576.000 đồng (*Ba mươi tư triệu, năm trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0005297 ngày 02/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội

3/ Quyền kháng cáo, kháng nghị:

GPBank được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Anh Trần Văn Long và chị Cán Thị Duyên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội được quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ nhận được bản án

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng số 574/2013/HĐTC, quyền số: 02/TPÓCC/HĐGD, công chứng ngày 02/04/2013 với nội dung: Ông Trần Văn Long và bà Cấn Thị Duyên đồng ý thế chấp tài sản là Quyền sử dụng thửa đất số 731, tờ bản đồ số 01, có diện tích 208m² tại địa chỉ: Xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội để vay vốn tại Ngân hàng
- Phụ lục hợp đồng sửa đổi một số điều khoản của “Hợp đồng thế chấp tài sản kí ngày 02/04/2013, số công chứng 574/2013/HĐTC quyền số 02/TP/CC-SCC/HĐGD” số công chứng 92/2015/PL, quyền số: 01/TP/CC-SCC/HĐGD công chứng ngày 20/01/2014 với nội dung sửa đổi: sửa nghĩa vụ bảo lãnh tối đa từ 1.024.000.000 VNĐ (Một tỷ không trăm hai mươi tư triệu đồng chẵn) thành nghĩa vụ bảo lãnh tối đa là 1.300.000.000 VNĐ (Một tỷ ba trăm triệu đồng chẵn)

Hồ sơ tài sản thế chấp:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 643255, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00738 do UBND huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội cấp ngày 31/05/2012 cho ông Đặng

Quốc Chinh, đã được chuyển nhượng cho ông Trần Văn Long ngày 30/12/2012.

- Thủ tục pháp lý: Tài sản này dùng để đảm bảo cho khoản vay của ông Trần Văn Long và bà Cần Thị Duyên tại GPBank theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng sử dụng đất để vay vốn ngân hàng số 574/2013/HĐTC, quyền số: 02/TP/CC-SCC/HĐGD, công chứng ngày 02/04/2013, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội ngày 02/04/2013.

Thông tin về các lần giải ngân đối với Hợp đồng tín dụng số 0018/2014/HVT/HĐHM ngày 27/01/2014

- Khế ước nhận nợ số 0118/2014/HVT/KU03 ngày 24/12/2014
- + Số tiền khách hàng đã nhận nợ: 300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn./.)
- + Mục đích vay: Sản xuất đồ ăn đông lạnh;
- + Thời hạn vay: 09 tháng, kể từ ngày 24/12/2014 đến 24/09/2015
- + Hình thức trả nợ: Gốc trả cuối kỳ vào ngày 24/09/2015; Lãi trả vào ngày 15 hàng tháng.
- + Dư nợ gốc đến ngày 30/10/2018: 300.000.000 VNĐ.

Thông tin về các lần giải ngân:

- Khế ước nhận nợ số 0024/2015/HVT/KU01 ngày 22/01/2015
- + Số tiền khách hàng đã nhận nợ: 300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn./.)
- + Mục đích vay: Sản xuất đồ ăn đông lạnh và sản xuất ống cắt nhựa
- + Thời hạn vay: 09 tháng, kể từ ngày 22/01/2015 đến ngày 22/10/2015
- + Hình thức trả nợ: Gốc trả cuối kỳ vào ngày 22/10/2015; Lãi trả vào ngày 15 hàng tháng
- + Dư nợ gốc đến ngày 30/10/2018: 300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn./.)

- Khế ước nhận nợ số 0024/2015/HVT/KU02 ngày 11/03/2015
- + Số tiền khách hàng đã nhận nợ: 400.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng chẵn./.)
- + Mục đích vay: Sản xuất đồ ăn đông lạnh và sản xuất ống cắt nhựa
- + Thời hạn vay: 09 tháng, kể từ ngày 11/03/2015 đến ngày 11/12/2015
- + Hình thức trả nợ: Gốc trả cuối kỳ vào ngày 24/03/2016; Lãi trả vào ngày 15 hàng tháng
- + Dư nợ gốc đến ngày 30/10/2018: 300.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn ./.)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT VỤ ÁN

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim Dung**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Thôn Cự Lục, xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh **Hoàng Thế Cường**, sinh năm 1982;

ĐKHKTT: Thôn Cự Lục, xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

Hiện đang chấp hành hình phạt tại Trại giam Thanh Xuân ở xã Mỹ H- ng, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Kim Dung và anh Hoàng Thế Cường kết hôn có tìm hiểu, thỏa thuận đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội vào ngày 09/12/2005. Sau khi được hai gia đình tổ chức cưới thì vợ chồng ở chung với gia đình

anh C- ông tại Thôn Cự Lục, xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Tình cảm vợ chồng sau khi c- ối hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình sống với nhau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách của hai vợ chồng không hợp nhau nên luôn bất đồng quan điểm sống. Ngày 04/3/2010, anh C- ông đã phạm tội Giết ng- ời và bị Tòa án nhân dân thành phố Hà nội xử phạt 20 năm tù và hiện anh C- ông đang phải chấp hành hình phạt tại Trại giam Thanh Xuân ở xã Mỹ H- ng, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay và không quan tâm đến nhau. Do vợ chồng sống với nhau không còn tình cảm, anh C- ông đi tù chị Dung không thể chờ đợi đ- ợc nên chị xin đ- ợc ly hôn anh C- ông.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung, công sức và nợ: Không có.

- Tại bản tự khai tại trại giam Thanh Xuân, bị đơn anh Hoàng Thế C- ông thừa nhận về thời gian và điều kiện kết hôn nh- chị Dung là đúng. Theo anh C- ông, sau khi kết hôn anh và chị Dung chung sống với nhau hạnh phúc, hòa thuận. Năm 2010 anh c- ông phạm tội Giết ng- ời và bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử 20 năm tù. Hiện nay anh đang phải chấp hành án tại Trại giam Thanh Xuân. Và cũng từ đó hai vợ chồng sống ly thân, mỗi ng- ời ở một nơi, không quan tâm gì đến nhau.

Nay chị Dung làm đơn xin ly hôn, ý kiến của anh là đồng ý ly hôn để giải phóng cho cả hai và anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ xét xử vắng mặt.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung, công sức và nợ: Không có.

Ngoài yêu cầu, đề nghị trên thì anh C- ông không có yêu cầu và đề nghị gì khác.

NHẬN XÉT:

- Về tố tụng: Anh Hoàng Thế C- ông vắng mặt tại phiên tòa do anh đang phải chấp hành hình phạt tù và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 199; Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự đã đ- ợc sửa đổi và bổ sung năm 2011 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim Dung và Hoàng Thế C- ông kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Phú, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội ngày 09/12/2005 đ- ợc xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị Dung và anh C- ông đã có thời gian sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn chủ yếu do hai bên có tính cách và lối sống không hợp nhau. Năm 2010, anh C- ông phạm tội Giết ng- ời và hiện đang phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam Thanh Xuân. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2010.

Nh- vậy, giữa chị Dung và anh C- ông vợ chồng đã có mâu thuẫn xảy ra, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung giữa hai bên không còn tồn tại, mục đích của việc kết hôn không đạt đ- ợc. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị Dung kiên quyết xin đ- ợc

ly hôn anh C- ông, vì theo chị tình cảm của chị với anh C- ông không còn và anh C- ông hiện đang phải chấp hành án nên chị không thể chờ đợi đ- ợc.

Xét chị Dung kiên quyết xin ly hôn và tình cảm của chị Dung với anh C- ông không còn, vợ chồng đã có mâu thuẫn, mục đích quan hệ hôn nhân không đạt đ- ợc nên chấp nhận và xử cho chị Dung đ- ợc ly hôn với anh C- ông.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, công sức và nợ: Chị Dung, anh C- ông đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ cũng không có nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

ĐỀ XUẤT:

□p dụng các Điều 89; 91 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 131 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 8 điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chị Nguyễn Thị Thịnh đ- ợc ly hôn anh Hoàng Thế C- ông.
2. Về con chung: Không có.
3. Về tài sản chung, công sức và nợ: Không có nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

THẨM PHÁN BÁO CÁO ĐỀ XUẤT

Kiều Duy Chính